TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2026/HNGĐ - ST Ngày: 27 - 01 - 2026 V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn

2. Bà Dương Thị Vui.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về vụ án kiện xin ly hôn và giải quyết con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-TCDS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố G, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ dân phố G, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay chị Trịnh Thị L vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của chị L tại các buổi làm việc với Toà án thể hiện: Chị Trịnh Thị L kết hôn với anh Nguyễn Bá T vào tháng 7/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không

thành, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

Về con chung: Chị Trịnh Thị L xác định giữa chị và T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 13/12/2018. Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn An N và anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh M. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cúng bên kia.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung

Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị L đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Bá T vắng mặt. Nội dung bản tự khai và các buổi làm việc với Tòa án anh T thể hiện: Anh xác định việc chị L khai về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống do không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Bá T thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 13/12/2018. Vợ chồng ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn An N và giao anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh M, không ai phải đóng góp nuôi con chung cho bên kia anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung: anh Nguyễn Bá T xác định vợ chồng không có.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Bá T; Giao cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 12/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 13/12/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của các bên không phải

cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Bá T và chị Trịnh Thị L đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh T và được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Bá T đều vắng mặt. Chị L và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Bá T vào tháng 7/2013 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn vào ngày 09/07/2013 là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh T cũng có quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc xin ly hôn của chị L và quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn của anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Bá T thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 13/12/2018. Ly hôn anh T và chị L thống nhất thỏa thuận giải quyết con chung. Chị L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn An N và anh

T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh M. Không ai phải đóng góp nuôi con chung cùng bên kia.

Xét thấy thỏa thuận giữa chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật; bản thân cháu M có nguyện vọng muốn ở với bố, cháu N có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Bá T đều thống nhất vợ chồng không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 12/11/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 13/12/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0002726 ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh.
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã Quỹ Nhất.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

Trần Trọng Ích